UỶ BAN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 552 /TB-UBND	*Long Biên, ngày 15 tháng 11 năm 2023*

THÔNG BÁO
Kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký xét thăng hạng giáo viên từ CDNN hạng III lên CDNN hạng II

Thực hiện Công văn số 3277/SNV-CCVC ngày 02/11/2023 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội về việc thẩm định, rà soát tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, phổ thông công lập,

UBND quận Long Biên thông báo kết quả tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II như sau:

1. Việc tổ chức, triển khai thực hiện

- UBND quận ban hành Công văn số 2184/UBND-NV ngày 07/11/2023 về việc rà soát tiêu chuẩn, bổ sung hồ sơ thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) giáo viên mầm non, phổ thông công lập, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp thực hiện rà soát người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thăng hạng CDNN viên chức giáo viên đảm bảo đúng đối tượng, khách quan, công bằng và đúng quy định của pháp luật. Thời gian tiếp nhận hồ sơ bổ sung của các đơn vị từ ngày 07/11/2023 đến hết 17h00' ngày 09/11/2023.

- Quán triệt các đơn vị tập trung rà soát đề xuất đội ngũ giáo viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, giữ vai trò là trưởng, phó tổ chuyên môn và đội ngũ giáo viên cốt cán được thăng hạng. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc xác định điều kiện, tiêu chuẩn và đề xuất các trường hợp viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng CDNN giáo viên.

- Ban hành Quyết định số 4675/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND quận Long Biên về việc thành lập tổ thẩm định hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II.

- Tổ chức thẩm định, chấm điểm hồ sơ của các viên chức giáo viên đề nghị thăng hạng từ CDNN hạng III lên CDNN hạng II theo Phụ lục kèm theo Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 11/11/2023 đến 12/11/2023. Kết quả thẩm định theo Báo cáo số 01/BC-TTĐ ngày 14/11/2023 của Tổ thẩm định hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II.

2. Về kết quả thẩm định

2.1 Số viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thuộc nhu cầu được gửi xét thăng hạng: 802

- Giáo viên Mầm non: 476 *(Phụ lục IIA kèm theo)*

- Giáo viên Tiểu học: 231 *(Phụ lục IIB kèm theo)*

- Giáo viên THCS: 87 *(Phụ lục IIC kèm theo)*

- Giáo viên THPT: 08 *(Phụ lục IID kèm theo)*

2.2. Số viên chức không đủ điều kiện xét thăng hạng *(do hồ sơ không đủ điều kiện, mục A<100):* ***0***

UBND quận thông báo để các đơn vị và cá nhân được biết. Các cá nhân có tên trong danh sách đủ điều kiện xét thăng hạng nếu còn thông tin chưa chính xác, đề nghị báo cáo về UBND quận (qua Phòng Nội vụ) trước 10h00' ngày 15/11/2023 để kịp thời điều chỉnh, trình Sở Nội vụ xét duyệt hồ sơ theo quy định./.

Nơi nhận:
- Đ/c PCT Đinh Thị Thu Hương;
- Phòng Nội vụ;
- Trung tâm GDNN-GDTX;
- Các trường MN, TH, PTCS, THCS;
- Lưu: VT. (05)

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hà

UBND QUẬN LONG BIÊN

PHỤ LỤC IIA

DANH SÁCH GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG III CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG
LÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG II THEO CÁC TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI TT 34/2021/TT-BGDĐT

(Kèm theo Thông báo số 552 /TB-UBND ngày 15 /11/2023 của UBND quận Long Biên)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	**Mầm non Hoa Hướng Dương**															
1	Lương Thị Thúy Hằng	21/05/1981	Nữ	Phó Hiệu Trưởng	Trường MN Hoa Hướng Dương	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Tạ Thị Hà	15/05/1984	Nữ	Phó Hiệu Trưởng	Trường MN Hoa Hướng Dương	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Khánh Hòa	11/04/1991	Nữ	Giáo viên - TTCM	Trường MN Hoa Hướng Dương	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Đặng Thị Thu Thủy	06/12/1990	Nữ	Giáo viên - TPCM	Trường MN Hoa Hướng Dương	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
5	Trương Thị Thanh Tâm	30/07/1981	Nữ	Giáo viên - TPCM	Trường MN Hoa Hướng Dương	20	45	20	15	100	1	0	0	0,7	1,7	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Hậu	21/6/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Hướng Dương	20	45	20	15	100	1	0	0	0,3	1,3	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Mai Hương	26/10/1980	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Hướng Dương	20	45	20	15	100	1	0	1	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II
2	**Mầm non Đức Giang**															
1	Nguyễn Thị Vinh	13/03/1977	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Hà Thị Thủy	15/03/1980	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lê Thị Hà Châu	14/09/1977	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Lương Thị Thu Hiền	10/02/1977	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
5	Lê Thúy Quỳnh	31/10/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Đỗ Thị Tâm	14/11/1977	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3	Đủ ĐK xét hạng II
7	Bành Thị Tâm	16/01/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Kiều Anh	20/3/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
9	Lê Thị Hồng Hạnh	12/08/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
10	Mai Thị Thu	25/06/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Thu Huyền	29/01/1976	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
12	Đào Thị Hằng	06/11/1974	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
13	Nguyễn Huyền Nga	28/08/1993	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
14	Đinh Thị Thu Trang	03/10/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
15	Lê Thị Toan	06/07/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
16	Nguyễn Thị Bích Ngọc	28/5/1994	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
17	Phạm Thị Châm	16/6/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II
18	Trần Thị Hoàn	02/02/1972	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
19	Bùi Thị Thúy Hòa	18/01/1976	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đức Giang	20	45	20	15	100	0	0	1	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
3	**Mầm non Bắc Biên**															
1	Đặng Thị Thu Hà	03/04/1971	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Phạm Thị Duyên	11/03/1991	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lương Vân Anh	07/07/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thu Hà	09/11/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Thu Hà	08/10/1994	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Hồng	21/10/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Huệ	01/08/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
8	Thạch Thị Lan	19/07/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
9	Nguyễn Thị Mão	05/02/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
10	Nguyễn Thị Năm	30/05/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Ngọc	09/09/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
12	Trần Thị Thu Phương	05/12/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
13	Phạm Thị Phương	20/10/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
14	Đặng Thúy Quỳnh	20/10/1996	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
15	Tạ Thị Thanh	01/12/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
16	Đinh Thị Thủy	06/08/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
17	Nguyễn Thị Thu Trang	08/07/1995	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Biên	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
4	**Mầm non Gia Thượng**															
1	Vũ Hương Trà	20/09/1982	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Gia Thượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Thu Huyền	05/10/1982	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Gia Thượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Ngọc Luyến	09/08/1987	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Gia Thượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Trần Anh Đào	22/12/1979	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Thượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Thúy Vân	17/05/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Thượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Hồng Hoa	05/03/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Thượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
7	Đoàn Thị Huyền Trang	23/05/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Thượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Kim Thanh	01/08/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Thượng	20	45	20	15	100	1	0	1	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II
9	Phạm Thị Đoan Trang	14/07/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Thượng	20	45	20	15	100	1	0	0	0,4	1,4	Đủ ĐK xét hạng II
5	**Mầm non Hồng Tiến**															

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Trần Thị Tuyết Nhung	08/11/1977	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Hồng Tiến	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Vũ Thị Quyên	29/08/1976	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Hồng Tiến	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đinh Thị Thu Thủy	02/08/1987	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Hồng Tiến	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Hà Thị Thư	23/05/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hồng Tiến	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
5	Đinh Thị Nguyệt Minh	31/10/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hồng Tiến	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Lan Anh	16/09/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hồng Tiến	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
6	**Mầm non Ngọc Thuỵ**															
1	Nguyễn Thị Lan Anh	14/10/1982	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trần Minh Phương	10/04/1987	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Phạm Lệ Hà	16/04/1986	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Đỗ Thị Thanh Tuyền	17/10/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Hoa	02/09/1993	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Phạm Thị Hương Lan	01/02/1975	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Thu Hương	04/12/1976	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Bích Hoa	15/06/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn T Ngọc Bích	18/09/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
10	Trương Thị My	17/09/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
11	Hồ Minh Hương	19/12/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
12	Trần Thị Thanh	28/09/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
13	Bùi Thị Thúy	20/04/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
14	Triệu Diệu Thúy	20/03/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
15	Nguyễn Thị Lan	14/04/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	0	0	1	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
16	Đàm Thị Thu Hương	05/11/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
17	Trần Thị Hồng Phương	29/10/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
18	Nguyễn Hồng Nhung	10/09/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
19	Phạm Thị Thoa	08/12/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
20	Doãn Thị Hồng Phước	06/02/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II
21	Bùi Thị Hằng	02/11/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
22	Nguyễn Thu Hường	08/10/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
23	Vũ Thị Thanh Huyền	21/07/1975	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	0	0	1	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
7	**Mầm non Ban Mai Xanh**															
1	Đỗ Thị Huyền	12/10/1983	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Ban Mai Xanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Hà Lương	26/10/1987	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Ban Mai Xanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lê Thị Hiền	07/8/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ban Mai Xanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
8	**Mầm non Cự Khối**															
1	Nguyễn Hồng Thu	02/10/1979	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	1	0,7	1,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lưu Thị Thuỷ Phương	08/09/1980	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	1	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đào Phương Mai	01/03/1987	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Nữ Hải Yến	22/07/1984	Nữ	Giáo viên - Trưởng ban thanh tra nhân dân	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	1	0,3	1,3	Đủ ĐK xét hạng II
5	Đào Thị Lệ	23/01/1986	Nữ	Giáo viên-Tổ phó chuyên môn	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0,5	1	0,4	1,9	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
6	Nguyễn Thị Lan	17/12/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	0	0,3	0,3	Đủ ĐK xét hạng II
7	Trần Thị Vân Anh	29/07/1992	Nữ	Giáo viên -Tổ phó chuyên môn	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	1	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Hường	15/03/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0,5	1	0	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
9	Phạm Thị Thu Hà	23/08/1973	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
10	Thẩm Thị Mai Phương	16/01/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Thảo	02/05/1996	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
12	Phạm Thị Hằng	12/08/1974	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
13	Đào Thị Hà Chi	09/05/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
14	Hoàng Thị Thu Hương	24/10/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
15	Đào Thị Kim Vui	25/11/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
16	Nguyễn Diệu Linh	03/07/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0,5	1	0	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
17	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	31/10/1974	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
18	Nguyễn Thị Mai	03/11/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	1	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
9	**Mầm non Hoa Sen**															
1	Nguyễn Thị Ngọc Hân	16/03/1982	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Đào Thị Đức	12/02/1988	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0	1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thanh Tâm	03/03/1984	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0	1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Phạm Thị Liên	22/12/1988	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Kim Dung	16/02/1983	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Liễu	29/10/1992	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
7	Đoàn Thị Thơm	16/01/1985	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
8	Phạm Thị Minh Phương	17/04/1979	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Kim Anh	21/11/1993	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
10	Vũ Thị Chiên Hà	11/07/1987	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
11	Vũ Thị Lệ Quyên	17/05/1986	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
12	Nguyễn Thị Linh	25/01/1985	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
13	Nguyễn Thị Vương Nhung	09/03/1976	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
14	Trương Thu Hòa	27/07/1976	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
15	Trần Thị Ngọc Thúy	04/09/1993	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
16	Nguyễn Thị Thu Hương	03/11/1988	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
17	Nguyễn Thị Quỳnh	22/11/1990	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sen	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
10	**Mầm non Thượng Thanh**															
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	16/04/1976	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Thượng Thanh	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Vũ Ngọc Bích	08/10/1989	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	20/08/1992	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
4	Lê Thị Ngọc	03/10/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
5	Chu Thị Thanh Hoa	22/10/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
6	Đinh Thị Ngọc Dung	04/02/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Lý	30/11/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
8	Phạm Thị Khoa	20/10/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
9	Đỗ Thị Hương	05/10/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
10	Bùi Hồng Ngân	24/08/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
11	**Mầm non Giang Biên**															
1	Hoàng Thị Phương	22/06/1982	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Ngân	11/01/1980	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Hằng	10/11/1981	Nữ	Giáo viên, Phó chủ tịch CĐ	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Trần Thị Trà My	25/11/1991	Nữ	Giáo viên, Bí thư chi đoàn	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Oanh	20/10/1990	Nữ	Giáo viên Phó Bí thư chi đoàn	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
6	Vũ Thị Thủy	08/11/1979	Nữ	Giáo viên, TTCM	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
7	Vũ Thị Huyền	14/04/1981	Nữ	Giáo viên, TBTTND	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Hòa	08/05/1985	Nữ	Giáo viên, TPCM	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
9	Tạ Thị Quỳnh Anh	22/10/1986	Nữ	Giáo viên, TPCM	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
10	Nguyễn Thị Thường	09/09/1976	Nữ	Giáo viên, TPCM	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Hải Yến	26/03/1987	Nữ	Giáo viên UVBCH công đoàn	Trường MN Giang Biên	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
12	**Mầm non Nắng Mai**															
1	Lê Thị Hương Giang	02/11/1983	Nữ	Hiệu Trưởng	Trường MN Nắng Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
2	Vũ Thị Kiều Oanh	30/07/1980	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Nắng Mai	20	45	20	15	100	0,5	1	1	1	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thái	06/07/1981	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Nắng Mai	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
4	Lê Thị Hương	02/10/1980	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nắng Mai	20	45	20	15	100	0,5	1	1	1	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Lý Thị Kê	15/10/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nắng Mai	20	45	20	15	100	0,5	0	0	0,3	0,8	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
6	Đinh Thị Hường	18/04/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nắng Mai	20	45	20	15	100	0,5	1	1	1	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Hồng Hiếu	05/02/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nắng Mai	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,6	2,1	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Thanh Vân	14/12/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nắng Mai	20	45	20	15	100	0,5	1	0	0,3	1,8	Đủ ĐK xét hạng II
9	Hoàng Thị Diệu Linh	27/10/1993	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nắng Mai	20	45	20	15	100	0,5	1	0	0,3	1,8	Đủ ĐK xét hạng II
13	**Mầm non Long Biên A**															
1	Trần Thị Thu Hằng	20/11/1981	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Long Biên A	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lương Thị Lan Anh	05/08/1990	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Long Biên A	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lưu Thị Nga	15/01/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Long Biên A	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
4	Hoàng Thị Thu Hằng	06/03/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Long Biên A	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
5	Đỗ Thị Thúy Hằng	23/10/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Long Biên A	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Ngô Thị Huyền	10/02/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Long Biên A	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Kim Liên	19/08/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Long Biên A	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
8	Bùi Thị Hương Liên	12/09/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Long Biên A	20	45	20	15	100	0,5	0	1	0	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
14	**Mầm non Sơn ca**															
1	Nguyễn Thị Thu Hường	20/02/1983	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Sơn Ca	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Âu Thị Lệ Trang	06/10/1982	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Sơn Ca	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Chúc	31/08/1979	Nữ	Giáo viên	Trường MN Sơn Ca	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
4	Đoàn Hương Lan	20/10/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Sơn Ca	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
5	Thẩm Xuân Trà	12/03/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Sơn Ca	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
15	**Mầm non Phúc Lợi**															

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Lê Thị Mỹ Hạnh	29/01/1981	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Thu Thủy	01/04/1983	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đinh Thị Luận	01/10/1982	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
4	Phạm Thị Minh Thúy	13/06/1988	Nữ	Giáo viên - TPCM	Trường MN Phúc Lợi	20	45	20	15	100	0	1	1	0,7	2,70	Đủ ĐK xét hạng II
5	Lê Thị Hương Lý	03/12/1984	Nữ	Giáo viên - TTCM	Trường MN Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
6	Kiều Thị Dân	13/09/1977	Nữ	Giáo viên - TPCM	Trường MN Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,40	Đủ ĐK xét hạng II
7	Lê Thị Huyền Mai	10/09/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3,00	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Thu	16/07/1991	Nữ	Giáo viên - Bí thư chi đoàn	Trường MN Phúc Lợi	20	45	20	15	100	0	1	1	0,3	2,30	Đủ ĐK xét hạng II
9	Lê Thị Tĩnh	27/03/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Lợi	20	45	20	15	100	0	1	1	0	2,00	Đủ ĐK xét hạng II
10	Nguyễn Thị Thủy	08/07/1992	Nữ	Giáo viên - TPCM	Trường MN Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,40	Đủ ĐK xét hạng II
16	**Mầm non Đô thị Việt Hưng**															
1	Tạ Thị Thanh Vân	25/12/1990	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Đô thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
2	Đặng Thị Lệ Chi	15/11/1980	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Đô thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Hương Trang	19/05/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đô thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
4	Vương Ánh Tuyết	28/11/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Đô thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
17	**Mầm non Hoa Trạng Nguyên**															
1	Nguyễn Thị Phượng	06/07/1987	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Hoa Trạng Nguyên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Hồng Dương	12/04/1991	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Hoa Trạng Nguyên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Tuyết	26/12/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Trạng Nguyên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
4	Trần Thị Thúy	05/12/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Trạng Nguyên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
5	Dương Thị Thu Trang	19/9/1994	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Trạng Nguyên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
18	**Trường MN Việt Hưng**															
1	Đặng Thị Thanh Xuân	05/07/1980	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Lan	06/05/1986	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Hường	12/06/1981	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thục Anh	01/09/1980	Nữ	Giáo viên	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
5	Đinh Thị Thúy Hòa	27/03/1978	Nữ	Giáo viên	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,40	Đủ ĐK xét hạng II
6	Dương Thị Điệp	16/02/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,40	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Thoa	23/09/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2,00	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Thu Nga	09/12/1976	Nữ	Giáo viên	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,40	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Mùi	06/07/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
10	Nguyễn Thị Hồng	23/11/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,40	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Loan Trang	20/03/1980	Nữ	Giáo viên	Trường MN Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,40	Đủ ĐK xét hạng II
19	**Mầm non Hoa Sữa**															
1	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/10/1991	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Hoa Sữa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Hòa	02/08/1984	Nữ	Giáo viên mầm non Tổ phó chuyên môn	Trường MN Hoa Sữa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
3	Bùi Thị Hoa	30/11/1986	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sữa	20	45	20	15	100	0	1	1	0,7	2,70	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Thu Hương	23/09/1982	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sữa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Huyền	12/03/1991	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sữa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,40	Đủ ĐK xét hạng II
6	Lê Thị Phương	02/10/1990	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sữa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
7	Nguyễn Lê Hảo	09/10/1982	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Hoa Sữa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
20	**Mầm non Nguyệt Quế**															
1	Hồ Thị Tuyến	03/04/1984	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trần Thị Linh Phương	10/07/1981	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	0	1	1	0,4	2,40	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thu Hương	15/01/1986	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Hà	26/12/1976	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,40	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Minh Thu	13/09/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,30	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Phương Ly	29/05/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	0	1	1	0,3	2,30	Đủ ĐK xét hạng II
7	Lê Hải Yến	16/03/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	0	0,5	1	0	1,50	Đủ ĐK xét hạng II
8	Lê Quỳnh Hoa	11/09/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	0	1	1	0,4	2,40	Đủ ĐK xét hạng II
9	Hoàng Thanh Hằng	07/09/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,30	Đủ ĐK xét hạng II
10	Phạm Thị Hoa Mai	03/10/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	0	1	1	0,3	2,30	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Lan Hương	04/09/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,4	2,90	Đủ ĐK xét hạng II
12	Nguyễn Thị Thủy	05/12/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3,00	Đủ ĐK xét hạng II
13	Nguyễn Thị Khánh Chi	23/04/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
14	Nguyễn Hải Yến	05/07/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0,00	Đủ ĐK xét hạng II
15	Nguyễn Thị Minh Thu	25/12/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Nguyệt Quế	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
21	**Mầm non Phúc Đồng**															
1	Lưu Thị Nhận	03/09/1968	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
2	Hồ Thị Thu	03/05/1987	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4,00	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
3	Đỗ Hồng Anh	19/08/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4,00	Đủ ĐK xét hạng II
4	Phạm Thị Bích	06/04/1978	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4,00	Đủ ĐK xét hạng II
5	Phạm Thị Hiền	08/07/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
6	Phạm Thị Huyền	07/08/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4,00	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Lý	12/02/1971	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
8	Tạ Thị Minh	27/06/1979	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
9	Đặng Thị Nhung	14/09/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4,00	Đủ ĐK xét hạng II
10	Nguyễn Thị Phượng	24/10/1976	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
11	Vũ Thị Quyên	17/01/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
22	**Mầm non Bắc Cầu**															
1	Ngô Thị Hoài Phương	14/05/1985	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trần Thị Tuyết Phượng	16/11/1983	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
3	Vũ Thị Nga	04/09/1981	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Thúy	15/08/1983	Nữ	GV- Tổ phó CM	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,30	Đủ ĐK xét hạng II
5	Phạm Thị Thu Hằng	11/08/1974	Nữ	GV- Tổ phó CM	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	0	1	0,7	2,70	Đủ ĐK xét hạng II
6	Hà Thị Tố Vân	20/09/1970	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,30	Đủ ĐK xét hạng II
7	Từ Thị Quỳnh Trang	08/06/1980	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,30	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Ninh	10/02/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,30	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Quỳnh	07/12/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,40	Đủ ĐK xét hạng II
10	Đỗ Thị Luyện	13/05/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,3	2,80	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
11	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/04/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,30	Đủ ĐK xét hạng II
12	Nguyễn Thị Linh	07/06/1993	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,7	3,20	Đủ ĐK xét hạng II
13	Nguyễn Phương Thảo	06/09/1993	Nữ	GV- Tổ phó CM	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	0,7	1	0,3	3,00	Đủ ĐK xét hạng II
14	Trần Thị Đắc Thắng	25/02/1992	Nữ	Giáo viên- TTCM	Trường MN Bắc Cầu	20	45	20	15	100	1	0,7	1	0,3	3,00	Đủ ĐK xét hạng II
23	**Mầm non Gia Thụy**															
1	Nguyễn Thị Thanh Xuân	22/12/1978	Nữ	Hiệu trưởng	MN Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	06/11/1981	Nữ	Phó hiệu trưởng	MN Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
3	Hoàng Giáng Ngọc	25/11/1991	Nữ	Phó hiệu trưởng	MN Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,30	Đủ ĐK xét hạng II
4	Phạm Thị Thanh	16/03/1983	Nữ	Giáo viên	MN Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,30	Đủ ĐK xét hạng II
5	Phạm Thị Thu Hiền	22/06/1984	Nữ	Giáo viên	MN Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,70	Đủ ĐK xét hạng II
6	Ngô Minh Thu	12/12/1986	Nữ	Giáo viên	MN Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	1	0,4	2,40	Đủ ĐK xét hạng II
7	Đặng Thị Thu Hương	22/01/1980	Nữ	Giáo viên	MN Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3,00	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Thanh Hoa	27/03/1991	Nữ	Giáo viên	MN Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,30	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Hương	26/09/1993	Nữ	Giáo viên	MN Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2,00	Đủ ĐK xét hạng II
10	Lê Kim Chi	10/10/1984	Nữ	Giáo viên	MN Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3,00	Đủ ĐK xét hạng II
24	**Mầm non Hoa Anh Đào**															
1	Nguyễn Thị Nghi Hương	01/12/1969	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
2	Vũ Bích Hạnh	27/11/1982	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lê Việt Nga	18/09/1981	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3	Đủ ĐK xét hạng II
4	Lương Thị Kim Cúc	06/03/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
5	Nguyễn Thị Dung	22/08/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Thu Hà	19/07/1993	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
7	Lê Thị Mai Hương	09/05/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
8	Đặng Thị Thu Hường	22/07/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
9	Vũ Thị Bích Hảo	15/06/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
10	Phạm Thị Hương	20/07/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
11	Phạm Thị Hường	14/01/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
12	Lê Thùy Linh	05/11/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
13	Nguyễn Thị Mến	05/12/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
14	Hoàng Thị Thu Phương	14/11/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
15	Trần Thị Kim Oanh	10/04/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
16	Hoàng Thị Thắm	20/05/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
17	Bùi Thị Kim Thúy	07/06/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
18	Đào Thị Thương	01/06/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
19	Ngô Thị Tuyên	07/01/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
20	Nguyễn Thị Thanh Thủy	04/08/1976	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
21	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	20/04/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
22	Phùng Thị Phương Thảo	17/12/1995	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
23	Nguyễn Thị Thu Trang	30/07/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
24	Nguyễn Thị Thìn	25/11/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
25	Lê Thị Thu Trang	12/12/1995	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Anh Đào	20	45	20	15	100	1	1	0	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
25	**Mầm non Hoa Mai**															
1	Trần Thị Nghĩa Quỳnh	20/10/1981	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Hoa Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trần Thị Xuân Nhạn	10/03/1982	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Hoa Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đào Thị Hải Yến	04/01/1990	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Hoa Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Huệ	27/11/1980	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Quỳnh	01/12/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
6	Chu Thị Huế	01/05/1970	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
7	Đỗ Thị Thu Huyền	05/06/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
26	**Mầm non Tân Mai**															
1	Nguyễn Bích Ngọc	14/2/1983	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Tân Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trương Thị Hoa	09/08/1978	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Tân Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thu Hà	17/01/1987	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Tân Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Kiều Thị Hoa Lệ	26/8/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tân Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
5	Trần Thị Mai Loan	28/11/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tân Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Tâm	15/12/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tân Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
7	Lưu Bích Thủy	03/09/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tân Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Thu Hồng	27/08/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tân Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
9	Bùi Thị Thơm	22/08/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tân Mai	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
27	**Mầm non Thạch Cầu**															

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Vũ Thanh Hiếu	08/10/1988	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Thạch Cầu	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Lan Anh	10/09/1983	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Thạch Cầu	20	45	20	15	100		1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Giang	28/01/1989	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Thạch Cầu	20	45	20	15	100	1		1		2	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Túc	12/9/1974	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Thạch Cầu	20	45	20	15	100	1		1		2	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Kim Chi	01/11/1972	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Thạch Cầu	20	45	20	15	100	1		1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
6	Trần Thị Thu Châm	14/12/1982	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Thạch Cầu	20	45	20	15	100	1		1		2	Đủ ĐK xét hạng II
7	Hoàng Thị Phương Loan	01/11/1981	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Thạch Cầu	20	45	20	15	100	1		1	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II
28	**Mầm non Bồ Đề**															
1	Lương Thị Tuấn Anh	10/05/1980	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lương Thị Thu Thủy	26/05/1980	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Hiếu	12/09/1981	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Lưu Thuỳ Dương	20/09/1978	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Tiếp	06/08/1974	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Thanh Bình	02/07/1976	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
7	Hoàng Thị Quỳnh Anh	12/09/1979	Nữ	Giáo Viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Hoàn	25/07/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Hải Anh	20/09/1978	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
10	Lê Thị Ngân	03/10/1977	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Thu Nga	06/08/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
12	Lê Thị Tân	09/10/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
13	Nguyễn Thị Phương Thúy	18/08/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
14	Nguyễn Hoài Thu	02/07/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
15	Phạm Thị Nhung	20/02/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
16	Nguyễn Thị Bích Vân	31/07/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
17	Đinh Lan Phương	13/10/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
18	Tạ Thị Ngọc	24/10/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Bồ Đề	20	45	20	15	100		1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
29	**Mầm non Long Biên**															
1	Đỗ Thị Thanh Nhâm	04/11/1983	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trần Thị Thư Trang	29/02/1984	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Phương Hạnh	13/02/1988	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Dương Thuý Hằng	30/6/1983	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
5	Trần Thu Thuỷ	28/3/1978	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Thu Trang	03/10/1993	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
7	Đặng Hà Chi	19/12/1996	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Lan Hương	17/8/1992	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
9	Lê Thị Hoà	05/9/1990	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
10	Đào Hằng Thuỷ	28/10/1989	Nữ	Giáo viên mầm non	Trường MN Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
30	**Mầm non ĐT Sài Đồng**															
1	Lương Thị Hảo	26/05/1984	Nữ	Phó hiệu trưởng	MN Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1		1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trần Thị Thanh Thảo	16/02/1993	Nữ	Phó hiệu trưởng	MN Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1		1	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
3	Trần Thị Hằng	06/01/1983	Nữ	Giáo viên	MN Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1		1	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Thu Hương	27/10/1978	Nữ	Giáo viên	MN Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1		1		2	Đủ ĐK xét hạng II
5	Đỗ Thị Lan Anh	13/07/1978	Nữ	Giáo viên	MN Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1		1	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Loan	23/03/1971	Nữ	Giáo viên	MN Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1		1	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II
31	**Mầm non Hoa Phượng**															
1	Lê Thị Yến	20/01/1988	Nữ	Hiệu trưởng	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lê Thị Phương Ngân	15/01/1985	Nữ	Phó hiệu trưởng	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Kim Ngân	07/04/1987	Nữ	Phó hiệu trưởng	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Ngô Kim Trúc	18/09/1988	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
5	Đặng Bích Ngoan	14/10/1978	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
6	Hoàng Thị Hoàn	18/09/1986	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
7	Lê Thị Lan	07/10/1993	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Yến	10/01/1989	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
9	Phạm Thị Giang	22/12/1984	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
10	Trần Thị Thúy Nga	10/12/1982	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
11	Dương Thị Thoan	07/10/1988	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
12	Đào Thị Thu Hà	20/12/1986	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
13	Dương Thị Lan	21/03/1986	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
14	Nguyễn Thị Nhinh	21/12/1984	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
15	Đặng Thu Thủy	26/07/1991	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
16	Lê Thị Huyền	24/04/1985	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Phượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
32	**Mầm non Chim Én**															
1	Vũ Thị Phương	7/7/1972	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Phạm Tuyết Phượng	7/2/1978	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lữ Thu Hiền	2/7/1983	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Mạch Thị Hà	22/02/1978	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
5	Phạm Thị Hà	24/03/1979	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
6	Trần Thị Hà Giang	18/07/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
7	Lê Thị Thùy Trang	15/11/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
8	Mai Thị Phương Diệp	24/07/1978	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3	Đủ ĐK xét hạng II
9	Trần Thị Hiền	8/6/1979	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
10	Trần Thị Hồng Hạnh	23/08/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
11	Đặng Thị Như Quỳnh	10/6/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
12	Nguyễn Thu Phương	4/3/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
13	Nguyễn Thị Lan Hương	16/09/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
14	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/10/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3	Đủ ĐK xét hạng II
15	Vũ Huyền Trang	7/2/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	0	1	0,7	1,7	Đủ ĐK xét hạng II
16	Trần Thị Điệp	29/05/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
17	Nguyễn Thị Lệ Hằng	19/04/1994	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
18	Vũ Hà Trang	28/01/1994	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
19	Lê Thị Hạnh	10/02/1975	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
20	Nguyễn Ngọc Diễm	31/07/1997	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
21	Nguyễn Thu Giang	11/08/1997	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
22	Lê Thu Hiền	09/09/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	0	1	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
23	Lý Xư Xư	27/03/1996	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
24	Kiều Khánh Linh	01/12/1993	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
25	Nông Thị Thanh Huyền	18/09/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3	Đủ ĐK xét hạng II
26	Nguyễn Thị Phương Anh	15/03/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
27	Lưu Thị Toan	08/03/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Chim Én	20	45	20	15	100	0	1	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
33	**Mầm non Tuổi Hoa**															
1	Nguyễn Thị Tình	20/05/1983	Nữ	Hiệu trưởng	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Phương Hoa	18/10/1982	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thúy Hồng	18/09/1983	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Khuất Thị Oanh	22/11/1985	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Thu Hoài	28/01/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Chuyên	26/03/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3	Đủ ĐK xét hạng II
7	Hoàng Thị Hoa	10/3/1986	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
8	Lê Thị Kim Phượng	13/03/1993	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
9	Trịnh Thanh Hiền	26/10/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
10	Đào Thị Bằng	05/09/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
11	Nguyễn Thị Vân	03/01/1991	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
12	Đới Thị Hà Tiên	07/02/1988	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
13	Nguyễn Thị Loan	16/01/1987	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
14	Nguyễn Thị Nhài	30/11/1991	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
15	Nguyễn Thị Nga	10/10/1985	Nữ	Giáo viên	Trường Mầm non Tuổi Hoa	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
34	**Mầm non Thạch Bàn**															
1	Hoàng Thị Nghĩa	13/06/1984	Nữ	Hiệu trưởng, Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lê Thị Bích Huyền	21/06/1971	Nữ	Phó hiệu trưởng, Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thúy Hạnh	14/11/1987	Nữ	Phó hiệu trưởng, Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Hải Yến	17/11/1984	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
5	Lê Thị Thanh Huyền	10/09/1987	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Thu Hương	16/11/1987	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
7	Phan Thanh Huyền	07/04/1982	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
8	Trần Thị Thu Hiền	15/02/1991	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
9	Đoàn Thị Hải Yến	10/09/1981	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường MN Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
35	**Mầm non Ánh Sao**															
1	Nguyễn Thị Quyên	18/11/1980	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trần Thị Thanh Thủy	11/03/1972	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Trần Thị Đình An	18/04/1987	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	0,5	1	1	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
4	Đỗ Thị Huế	13/01/1978	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	0	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
5	Nguyễn Thị Bích Liên	21/01/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Trương Thị Như Quỳnh	18/05/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	0	0	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
7	Kiều Thị Lan Anh	14/03/1977	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3	Đủ ĐK xét hạng II
8	Đinh Thị Tâm	06/12/1970	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Hồng Khương	13/02/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	0	1	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
10	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/11/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	0	0	0,4	1,4	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Bắc	21/12/1982	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
12	Nguyễn Thị Hòa	25/10/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	0	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
13	Trương Thị Quỳnh Nga	13/07/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	1	1	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
14	Nguyễn Thị Thanh Huế	27/01/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Ánh Sao	20	45	20	15	100	1	0	1	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
36	**Mầm non Hoa Mộc Lan**															
1	Trần Thị Thanh Thủy	12/07/1975	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Hoa Mộc Lan	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lưu Thị Dung	08/01/1988	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Hoa Mộc Lan	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Hồng Dung	17/08/1973	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mộc Lan	20	45	20	15	100	1,0	0,0	1,0	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Hà	18/04/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mộc Lan	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,4	1,9	Đủ ĐK xét hạng II
5	Lê Thị Hà	13/06/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mộc Lan	20	45	20	15	100	0,5	1,0	1,0	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Hồng Nhung	31/07/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mộc Lan	20	45	20	15	100	0,5	0,5	1,0	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II
7	Đỗ Thanh Hương	28/03/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mộc Lan	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
8	Đỗ Thị Kim Ngân	20/08/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mộc Lan	20	45	20	15	100	0,5	1,0	1,0	0,0	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/02/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Hoa Mộc Lan	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,4	1,9	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
37	**Mầm non Tràng An**															
1	Nguyễn Thị Hương	29/11/1978	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trương Thị Bích Ngọc	07/12/1981	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Cẩm Chuyên	16/05/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Đủ ĐK xét hạng II
4	Hoàng Thị Thùy Dung	09/11/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	1,0	0,0	0,0	1,0	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Thu Hằng	10/02/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
6	Lương Thị Thu Hiền	29/12/1980	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,5	1,0	1,0	0,0	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thu Hương	13/11/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	1,0	1,0	0,3	2,3	Đủ ĐK xét hạng II
8	Lê Thị Hiền	18/09/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,0	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Hồng	25/08/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	0,5	1,0	0,0	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
10	Vũ Thị Hà	24/08/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Hạnh	31/07/1981	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	1,0	1,0	0,0	2,0	Đủ ĐK xét hạng II
12	Phạm Thanh Huyền	07/12/1989	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Đủ ĐK xét hạng II
13	Vũ Hải Ly	11/11/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	1,0	0,5	1,0	0,3	2,8	Đủ ĐK xét hạng II
14	Nguyễn Thị Lan	29/01/1970	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	0,0	1,0	0,0	1,0	Đủ ĐK xét hạng II
15	Nguyễn Thị Nhất	07/12/1978	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	0,5	0,0	0,0	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
16	Vũ Hoài Thu	08/07/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,0	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
17	Nguyễn Thị Lệ Thanh	06/02/1983	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	0,5	1,0	0,7	2,2	Đủ ĐK xét hạng II
18	Nguyễn Thị Thanh	10/05/1992	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	1,0	1,0	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
19	Nguyễn Thị Tâm	14/12/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,3	1,8	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
20	Nguyễn Thị Thủy	24/08/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,3	3,3	Đủ ĐK xét hạng II
21	Kiều Thu Thuỷ	07/10/1996	Nữ	Giáo viên	Trường MN Tràng An	20	45	20	15	100	0,0	0,5	1,0	0,0	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
38	**Mầm non Gia Quất**															
1	Nguyễn Ngọc Anh	28/11/1982	Nữ	Hiệu trưởng	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Dương Thị Minh Ngọc	28/3/1983	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thuỳ Linh	06/11/1992	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	0,5	0,5	1,0	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/6/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,7	2,2	Đủ ĐK xét hạng II
5	Phạm Thanh Huệ	23/11/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	0,5	1,0	1,0	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Lưu Thị Hoa Chinh	13/01/1985	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
7	Trịnh Thị Hồng Nhung	16/8/1986	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	0,0	1,0	1,0	0,0	2,0	Đủ ĐK xét hạng II
8	Trương Thị Thanh Hường	22/7/1988	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	1,0	0,0	1,0	0,0	2,0	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Khánh Nhung	15/02/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	0,5	0,5	1,0	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
10	Ngô Thị Vân	13/02/1990	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	0,0	0,0	1,0	0,0	1,0	Đủ ĐK xét hạng II
11	Phùng Thị Kim Oanh	17/10/1991	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	0,0	0,5	1,0	0,0	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
12	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/9/1987	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,4	1,9	Đủ ĐK xét hạng II
13	Lê Thị Mai Lan	04/04/1984	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	0,5	1,0	1,0	0,4	2,9	Đủ ĐK xét hạng II
14	Đặng Thúy An	29/5/1995	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
15	Phạm Thanh Mai	02/12/1996	Nữ	Giáo viên	Trường MN Gia Quất	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,4	3,4	Đủ ĐK xét hạng II
39	**Mầm non Hoa Thuỷ Tiên**															
1	Nguyễn Thị Thu Trang	30/04/1980	Nữ	Hiệu trưởng	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
2	Đào Thị Thu Thuỷ	27/12/1983	Nữ	Phó hiệu trưởng	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
3	Chu Thị Bích Ngọc	15/12/1986	Nữ	Phó hiệu trưởng	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	1,0	1,0	1,0	0,7	3,7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Phạm Thị Hồng	14/07/1980	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	1,0	1,0	0,7	3,2	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Thuý Hằng	01/05/1990	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,0	1,0	1,0	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
6	Đinh Thuý Hoa	04/05/1990	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,0	0,0	1,0	0,4	1,4	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Hải Yến	01/01/1900	00/01/1900	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,0	1,0	1,0	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
8	Trương Thị Huệ	29/08/1981	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,3	1,8	Đủ ĐK xét hạng II
9	Lương Thị Thanh Minh	05/03/1984	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,4	1,9	Đủ ĐK xét hạng II
10	Lương Thu Hà	23/06/1984	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,0	0,0	1,0	0,0	1,0	Đủ ĐK xét hạng II
11	Phạm Thị Tuyết	06/06/1988	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,0	0,0	1,0	0,4	1,4	Đủ ĐK xét hạng II
12	Đỗ Thu Hằng	06/02/1982	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	0,5	1,0	0,7	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
13	Lê Thị Thanh	08/03/1984	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,4	1,9	Đủ ĐK xét hạng II
14	Trương Thuỳ Dung	26/10/1994	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,4	1,9	Đủ ĐK xét hạng II
15	Hồ Thị Hương	28/02/1988	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,4	1,9	Đủ ĐK xét hạng II
16	Trương Thị Thanh Thuỳ	19/10/1993	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	0,5	1,0	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
17	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	10/06/1993	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,7	2,2	Đủ ĐK xét hạng II
18	Nguyễn Thị Thuý	17/10/1994	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	0,5	1,0	0,4	2,4	Đủ ĐK xét hạng II
19	Phạm Thị Mai Trang	19/03/1983	Nữ	Giáo viên	MN Hoa Thuỷ Tiên	20	45	20	15	100	0,5	0,0	1,0	0,4	1,9	Đủ ĐK xét hạng II

Danh sách có 476 người./.

UBND QUẬN LONG BIÊN

PHỤ LỤC IIB

DANH SÁCH GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG LÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG II THEO CÁC TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI TT 34/2021/TT-BGDĐT

(Kèm theo Thông báo số 552 /TB-UBND ngày 15 /11/2023 của UBND quận Long Biên)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	**Tiểu học Ái Mộ A**															
1	Hà Thị Lan Anh	20/10/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	0	0,5	1	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
2	Phạm Thúy Hoa	14/09/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thu Lan	08/06/1971	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Lệ Hằng	19/06/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Phạm Thúy Hồng	25/09/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	0	0,5	1	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Đặng Thị Sáu	23/07/1972	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thu Hồng	10/09/1983	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
8	Đào Thuỳ Dung	26/05/1986	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	0	0,5	1	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	23/03/1971	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
10	Nguyễn Thị Oanh	26/12/1978	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	1	1	0,5	0	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
11	Đỗ Bích Nguyệt	07/07/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	1	0,5	0,5	0	2	Đủ ĐK xét hạng II
12	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/12/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ A	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	**Tiểu học Ái Mộ B**															
1	Ngô Thị Thu Ánh	19/10/1981	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Đinh Thị Ánh Nguyệt	03/02/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	0	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Phạm Thị Bích Ngọc	23/11/1972	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	0	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Thúy Vân	11/10/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
5	Bùi Thị Gấm	19/02/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
6	Cao Thị Bích Đào	11/12/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
7	Nguyễn Thị Thủy	11/12/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	0	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
8	Hoàng Thu Thủy	30/12/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
9	Phan Thị Thanh Hòa	08/03/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
10	Nguyễn Thị Thanh Huyền	31/03/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Hương Giang	24/11/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
12	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	13/04/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
13	Phùng Thị Hồng Nhung	11/08/1983	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
14	Nguyễn Thị Thanh Thủy	04/03/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
15	Lê Hương Giang	09/04/1984	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	0	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
16	Trần Hương Ly	07/08/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ái Mộ B	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
3	**Tiểu học Bồ Đề**															
1	Kiều Hồng Minh	22/08/1980	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Bồ Đề	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Thu Nga	28/11/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Bồ Đề	20	45	20	15	100	0	1	1	1	3	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Bồ Đề	20	45	20	15	100	0	1	0,5	1	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	27/10/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Bồ Đề	20	45	20	15	100	1	0,5	1	1	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Trần Lệ Hằng	10/02/1984	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Bồ Đề	20	45	20	15	100	0	1	1	1	3	Đủ ĐK xét hạng II
6	Trương Thị Thu Huyền	23/11/1978	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Bồ Đề	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	**Tiểu học Cự Khối**															
1	Hoàng Thị Bích Liên	13/09/1978	Nữ	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Cự Khối	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Chu Thị Vân	05/10/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cự Khối	20	45	20	15	100	0	1	1	1	3	Đủ ĐK xét hạng II
3	Ngô Thị Thu Nguyệt	17/05/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cự Khối	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Mai Thị Thanh Nga	25/05/1987	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Bích Thuận	09/02/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cự Khối	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
6	Nguyễn Thị Nga	29/10/1984	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cự Khối	20	45	20	15	100	0	1	0	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Khánh Ly	12/11/1984	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cự Khối	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
8	Đinh Thị Toan	07/05/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Cự Khối	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
5	**Tiểu học Đức Giang**															
1	Nguyễn Thị Thảo	1/11/1986	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Tú Anh	6/4/1972	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	1	2	Đủ ĐK xét hạng II
3	Phạm Thị Phượng	8/3/1976	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Kim Nhung	11/3/1979	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Trần Thị Hằng	8/3/1971	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	15/11/1977	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	1	0,5	1	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Nguyên	20/1/1985	Nữ	Giáo viên tin học	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	1	2	Đủ ĐK xét hạng II
8	Hoàng Thị Mai Quỳnh	15/9/1982	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Hoa	12/3/1979	Nữ	Giáo viên tiếng anh	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	1	0,5	1	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
10	Hoàng Văn Hiển	21/5/1984	Nam	Giáo viên GDTC	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	0,5	0	0,5	1	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Thuỳ	4/7/1977	Nữ	Giáo viên mĩ thuật	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	0,5	0	0,5	1	Đủ ĐK xét hạng II
12	Trần Thị Hằng	28/12/1980	Nữ	Giáo viên GDTC	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	1	2	Đủ ĐK xét hạng II
13	Đỗ Văn Huấn	14/11/1985	Nam	Giáo viên âm nhạc	Trường Tiểu học Đức Giang	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
6	**Tiểu học Đoàn Kết**															
1	Nguyễn Thị Liễu	24/12/1974	Nữ	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đoàn Kết	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lưu Thị Chính Phương	28/07/1980	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đoàn Kết	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Văn Tuấn	28/02/1979	Nam	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đoàn Kết	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Khúc Hải Yến	26/02/1978	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đoàn Kết	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
5	Hoàng Ngọc Ánh	9/10/1987	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đoàn Kết	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
6	Nguyễn Vân Anh	18/12/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đoàn Kết	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Hồ Thị Thu Mai	12/06/1986	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đoàn Kết	20	45	20	15	100	0	0	0,5	0,5	1	Đủ ĐK xét hạng II
8	Lê Thị Ngà	21/11/1974	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đoàn Kết	20	45	20	15	100	0	0	0	0,5	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	**Tiểu học Đoàn Khuê**															
1	Trần Thị Phương Dung	08/04/1981	Nữ	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đoàn Khuê	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Chu Thị Chinh	28/03/1973	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đoàn Khuê	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lê Thị Thu Hiền	03/01/1985	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đoàn Khuê	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Lý Thị Bích Liên	16/06/1978	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đoàn Khuê	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
5	Lê Thị Phương Mai	07/06/1979	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đoàn Khuê	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Văn Thắng	20/09/1980	Nam	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Đoàn Khuê	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Phan Thị Mỹ Hạnh	08/11/1986	Nữ	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Đoàn Khuê	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Thu An	19/09/1988	Nữ	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Đoàn Khuê	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Phương Hạnh	10/12/1988	Nữ	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Đoàn Khuê	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
8	**Tiểu học Gia Quất**															
1	Nguyễn Thị Hoài Linh	08/12/1989	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Gia Quất	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Hoa Lý	07/05/1989	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Gia Quất	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đinh Thị Thanh Trà	02/09/1982	Nữ	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Gia Quất	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Trần Thị Thùy Linh	19/04/1982	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Gia Quất	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
5	Lương Thị Kim Oanh	11/07/1987	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Gia Quất	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
9	**Tiểu học Gia Thượng**															
1	Nguyễn Thị Khánh Chi	05/09/1982	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Gia Thượng	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Ly	13/09/1987	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Gia Thượng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Trần Thị An	11/11/1987	Nữ	Giáo viên tin học	Trường Tiểu học Gia Thượng	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
4	Đào Văn Thành	06/05/1984	Nam	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Gia Thượng	20	45	20	15	100	0	0,5	1	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
10	**Tiểu học Gia Thụy**															
1	Nguyễn Thị Thu Huyền	15/11/1970	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0	1	2	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lê Thị Thanh Tâm	26/10/1973	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0,5	1	1	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Dương Thị Thái	24/12/1973	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Tuyết Thanh	20/05/1974	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0	1	2	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Hoa Thành	12/01/1975	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	1	2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Phạm Thị Thủy	20/09/1975	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Thúy Huê	14/10/1976	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0	1	2	Đủ ĐK xét hạng II
8	Hoàng Thị Thu Hiền	07/07/1976	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0	1	2	Đủ ĐK xét hạng II
9	Phạm Thị Nguyệt Minh	20/01/1977	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
10	Trần Thị Thu Hà	26/01/1979	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0,5	1	1	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
11	Đỗ Thị Phương Thảo	18/12/1982	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
12	Ngô Thị Mai Trang	13/01/1982	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0,5	1	1	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
13	Nguyễn Hải Yến	07/07/1983	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
14	Phạm Thị Khanh	02/10/1990	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0	1	2	Đủ ĐK xét hạng II
15	Đinh Hải Dương	12/02/1980	Nam	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
16	Nguyễn Hoàng Thuấn	03/11/1988	Nam	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
17	Đỗ Thị Huyền Trang	20/12/1983	Nữ	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	0	0,5	0	0,5	1	Đủ ĐK xét hạng II
18	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/06/1981	Nữ	Giáo viên Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	1	2	Đủ ĐK xét hạng II
19	Phạm Thị Ngọc Ninh	22/04/1982	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
20	Đào Thị Hường	22/05/1989	Nữ	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	0	0	0	0,5	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
21	Dương Nghiên Thường	13/05/1980	Nữ	Giáo viên Mỹ thuật	Trường Tiểu học Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	0	0	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
11	**Tiểu học Giang Biên**															
1	Trần Thị Thanh Hương	26/07/1980	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	16/07/1976	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/04/1979	Nữ	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Hường	05/11/1971	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Giang Biên	20	45	20	15	100	0	0	0	0,5	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Lê Thị Hậu	21/05/1985	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Giang Biên	20	45	20	15	100	1	1	0	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
12	**Tiểu học Lê Quý Đôn**															
1	Phạm Thị Tuyến	20/10/1984	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lê Thúy Loan	17/12/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	20	45	20	15	100	1	0,5	1	1	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lê Thanh Loan	10/02/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	20	45	20	15	100	1	0,5	1	1	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
13	**Tiểu học Long Biên**															
1	Hoàng Thị Mỹ Yên	16/06/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Vũ Thanh Tâm	08/10/1988	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đỗ Văn Chi	20/08/1985	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Biên	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Ngô Thị Phương	30/08/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Biên	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Hoài Nam	24/06/1977	Nam	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Biên	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Vân Anh	15/02/1984	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Lê Thị Thanh Thuỷ	24/01/1986	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Biên	20	45	20	15	100	1	0	0	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Thùy Nhung	16/03/1984	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Long Biên	20	45	20	15	100	0	0	0	0,5	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
14	**Tiểu học Lý Thường Kiệt**															
1	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	17/11/1984	Nữ	GV văn hóa	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lê Kim Oanh	13/11/1977	Nữ	GV văn hóa	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đinh Thị Lệ Quyên	31/03/1979	Nữ	Gv Tiếng Anh	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
4	Trần Thị Lan Phương	13/10/1985	Nữ	GV văn hóa	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
15	**Tiểu học Ngô Gia Tự**															
1	Đặng Hằng Nga	14/10/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Kim Phượng	30/11/1983	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Khương	16/01/1972	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
4	Đoàn Thị Thanh Huyền	01/09/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
5	Ngô Thị Hoàng Lan	24/03/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	1	1	0,5	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
6	Cao Thị Tuyết	30/04/1983	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
7	Ngô Thị Thu Hiền	13/04/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thúy Ngân	04/07/1971	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Tuyết	03/08/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
10	Hoàng Thị Bích Hạnh	24/03/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	1	1	1	0	3	Đủ ĐK xét hạng II
16	**Tiểu học Ngọc Lâm**															
1	Lê Thị Hậu	08/06/1979	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Cúc	19/01/1988	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0,5	0	1	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đặng Thị Thuỳ Ninh	12/10/1989	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	1	0,5	1	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Đinh Thị Bích Huệ	05/08/1993	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
5	Đào Thị Nhung	27/03/1982	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0,5	0	0	0	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Thuý	06/10/1978	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
7	Ngô Thị Anh Thư	28/08/1983	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
8	Đỗ Thị Thanh Hương	03/03/1987	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
9	Đỗ Thị Kiều Hoa	10/04/1989	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
10	Nguyễn Thị Tuyên	07/11/1971	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0	0	0,5	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
11	Cao Thị Hoài Thu	09/06/1971	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
12	Phạm Thị Vĩ	13/01/1978	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
13	Lê Thị Bích Hải	20/10/1984	Nữ	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
14	Nguyễn Lê Mạnh	17/06/1983	Nam	Giáo viên tiểu học	Trường Tiểu học Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
17	**Tiểu học Ngọc Thụy**															
1	Phạm Thị Tuyết Nhung	21/07/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Diệu Thúy	13/03/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Vũ Thị Thúy Huệ	21/11/1976	Nữ	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	0	0,5	1	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
4	Phạm Thị Xuân	05/11/1982	Nữ	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
18	**Tiểu học Nguyễn Bỉnh Khiêm**															
1	Nguyễn Thị Bích Phượng	28/05/1990	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Bỉnh Khiêm	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trần Thị Luyến	17/08/1980	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Nguyễn Bỉnh Khiêm	20	45	20	15	100	0	0	0,5	0,5	1	Đủ ĐK xét hạng II
19	**Tiểu học Phúc Đồng**															
1	Phạm Thị Thúy Hạnh	10/08/1988	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Thanh Loan	17/05/1981	Nữ	TTCM, Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Hoài Thu	30/08/1978	Nữ	TTCM, Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
4	Hoàng Thị Tố Uyên	23/01/1981	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Phúc Đồng	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
5	Phạm Thị Quỳnh Hoa	16/04/1981	Nữ	TPCM, Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Phúc Đồng	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
6	Trần Thị Huệ	22/10/1987	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Phúc Đồng	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Lệ Thủy	08/04/1985	Nữ	Giáo viên văn hóa	Trường Tiểu học Phúc Đồng	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
20	**Tiểu học ĐT Sài Đồng**															

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Vũ Thị Hoa Mơ	16/12/1982	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Thanh Hoà	15/12/1976	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	20/08/1976	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Hồng Minh	24/03/1976	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	0	0	0	0,5	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Ngô Thị Thi	27/11/1972	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	0	0	0	0,5	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
6	Lê Thị Thu Nết	10/05/1987	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Nga	16/12/1982	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	0	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Thanh Vân	22/01/1984	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
9	Lê Ngọc Anh	05/03/1987	Nữ	Giáo viên âm nhạc	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	0	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
10	Trần Phương Oanh	10/09/1987	Nữ	Giáo viên tổng phụ trách	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	0	0	1	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Hằng	03/03/1980	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Đô Thị Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	0	0	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
21	**Tiểu học Đô Thị Việt Hưng**															
1	Lê Thị Cẩm Anh	27/4/1985	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đô Thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	0	1	0	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trương Thị Nhàn	30/9/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đô Thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	0	0,5	0	0,5	1	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thu Phương	26/8/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đô Thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Thanh Liễu	19/11/1971	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đô Thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
5	Trương Thị Yến	06/1/10982	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đô Thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Hoàng Mỹ Hồng	27/4/1982	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đô Thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	0	1	0	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Minh Hường	19/3/1972	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Đô Thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
22	**Tiểu học Sài Đồng**															
1	Nguyễn Thị Bích Thủy	24/01/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sài Đồng	20	45	20	15	100	0,5	0,5	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Dương Hải Oanh	06/11/1972	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sài Đồng	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Vũ Hải Linh	20/02/1983	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
4	Nguyễn Thị Bích	20/08/1970	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	0	0	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Lê Hà	13/03/1973	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
6	Kiều Thị Thúy Ngân	03/04/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sài Đồng	20	45	20	15	100	0	0	0	0,5	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Phạm Thị Thu Hường	25/09/1975	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sài Đồng	20	45	20	15	100	0,7	0,5	1	0,5	2,7	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Thúy	01/01/1974	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sài Đồng	20	45	20	15	100	0	0	0	0,5	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
9	Lương Ngọc Oanh	13/08/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
10	Trần Thị Hạnh	06/05/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Sài Đồng	20	45	20	15	100	0	0,5	1	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
23	**Tiểu học Thạch Bàn A**															
1	Phan Thị Thanh Bình	19/07/1972	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thạch Bàn A	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Lụa	14/10/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạch Bàn A	20	45	20	15	100	0	1	1	1	3	Đủ ĐK xét hạng II
3	Trần Mai Diệu Anh	19/05/1971	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạch Bàn A	20	45	20	15	100	0,5	1	1	1	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Khánh Linh	07/04/1979	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạch Bàn A	20	45	20	15	100	0	1	1	1	3	Đủ ĐK xét hạng II
5	Bùi Thị Mai Hiên	03/02/1977	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Thạch Bàn A	20	45	20	15	100	0	1	0,5	1	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
24	**Tiểu học Thạch Bàn B**															
1	Đỗ Thanh Hương	22/10/1982	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thạch Bàn B	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trần Thị Hồng	02/09/1986	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường Tiểu học Thạch Bàn B	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Mỹ Linh	18/05/1988	Nữ	Giáo viên âm nhạc	Trường Tiểu học Thạch Bàn B	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
25	**Tiểu học Thanh Am**															
1	Đỗ Thị Thanh Nhàn	23/07/1978	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thanh Am	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lê Thị Hương	19/07/1986	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Thanh Am	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thu Vân	09/01/1988	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Thanh Am	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Xuân	15/09/1969	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Thanh Am	20	45	20	15	100	0	0	0,5	0,5	1	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
5	Lê Thị Thu	13/04/1983	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Thanh Am	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Hằng	16/09/1988	Nữ	Tổng phụ trách	Trường Tiểu học Thanh Am	20	45	20	15	100	0	0	0,5	0,5	1	Đủ ĐK xét hạng II
26	**Tiểu học Thượng Thanh**															
1	Lưu Thị Thu Hà	22/07/1981	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Đặng Thị Hạnh	31/01/1977	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Thiều Thị Vân Thư	16/10/1985	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Thu Hà	28/10/1978	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thu Phương	21/10/1973	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
6	Hoàng Thị Điểm	04/04/1980	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Hương Lanh	13/04/1982	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
8	Nguyễn Thị Mai	01/10/1979	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	0,5	0,5	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
9	Lê Thị Thanh Huyền	07/03/1981	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	1	0	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
10	Vũ Thị Hằng	24/05/1972	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	1	0	0	0,5	1,5	Đủ ĐK xét hạng II
11	Nguyễn Thị Thu Phương	05/02/1980	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	1	0,5	0,5	2	Đủ ĐK xét hạng II
12	Vũ Thị Kim Dung	24/05/1983	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	0,5	0	0	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
13	Vũ Thị Tuyết	20/09/1973	Nữ	Giáo viên cơ bản	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	0,5	0	0	0,5	Đủ ĐK xét hạng II
14	Nguyễn Thị Thúy Hà	07/12/1977	Nữ	Giáo viên ngoại ngữ	Trường Tiểu học Thượng Thanh	20	45	20	15	100	0	0,5	0	0,5	1	Đủ ĐK xét hạng II
27	**Tiểu học Việt Hưng**															
1	Nguyễn Thị Thức	19/09/1976	Nữ	Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Hoàng Yến	03/09/1979	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Hoàng Bích Thảo	17/11/1976	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Việt Hưng	20	45	20	15	100	0	1	1	0,5	2,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Phùng Thị Thuý	4/9/1984	Nữ	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Việt Hưng	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (04 điểm)				Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	(4 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
28	**Tiểu học Vũ Xuân Thiều**															
1	Lê Hạnh Nguyên	26/7/1982	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường Tiểu học Vũ Xuân Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Minh Phượng	02/5/1978	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Vũ Xuân Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đinh Thị Anh Đào	16/2/1978	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Vũ Xuân Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Mai Liên	12/02/1981	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Vũ Xuân Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Ngọc Thư	03/2/1983	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Vũ Xuân Thiều	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
6	Hoàng Hải Yến	15/4/1989	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Vũ Xuân Thiều	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II
29	**PTCS Hy Vọng**															
1	Bùi Bích Phượng	06/12/1978	Nữ	Giáo viên văn hoá	Trường PTCS Hy Vọng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thế Phúc	26/11/1984	Nam	Giáo viên Mỹ thuật	Trường PTCS Hy Vọng	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
30	**Tiểu học Phúc Lợi**															
1	Nguyễn Thị Thu Hà	13/12/1976	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Đào Thị Minh Hạnh	02/10/1978	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường Tiểu học Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lê Thị Đoan Trang	26/02/1990	Nữ	Giáo viên - TTCM	Trường Tiểu học Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0,5	3,5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Hoàng Mai Phương	21/12/1991	Nữ	Giáo viên	Trường Tiểu học Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	0,5	1	0,5	3	Đủ ĐK xét hạng II

Danh sách có 231 người./.

UBND QUẬN LONG BIÊN

PHỤ LỤC IIC

DANH SÁCH GIÁO VIÊN THCS HẠNG III CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG LÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN THCS HẠNG II THEO CÁC TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI TT 34/2021/TT-BGDĐT

(Kèm theo Thông báo số 552 /TB-UBND ngày 15 /11/2023 của UBND quận Long Biên)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (05 điểm)					Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15+16)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	đ (1 điểm)	(5 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1	**THCS Chu Văn An**																
1	Ngô Thị Thúy Hồng	19/09/1987	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Hương Thảo	18/03/1989	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thương	20/11/1983	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Chu Văn An	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	**THCS Cự Khối**																
1	Đào Thị Thu Hiền	14/11/1975	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Cự Khối	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Phạm Thị Thanh Hoa	23/10/1976	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Cự Khối	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Xuân Lộc	04/09/1988	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Cự Khối	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Tống Thị Thùy Linh	31/08/1987	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Cự Khối	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Lan Hương	18/06/1977	Nữ	Giáo viên	Trương THCS Cự Khối	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	**THCS Bồ Đề**																
1	Nguyễn Thị Thu Trang	26/05/1990	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Bồ Đề	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Đỗ Thị Thúy Giang	26/06/1989	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Bồ Đề	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lê Thị Thảo	29/09/1979	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Bồ Đề	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Phan Thu Hằng	17/01/1979	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Bồ Đề	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	**THCS Long Biên**																
1	Ngô Thị Thuỷ	29/08/1987	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trần Thúy An	14/12/1988	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đoàn Thị Lê	05/08/1987	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Đào Thị Thu	10/11/1984	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Long Biên	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (05 điểm)					Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15+16)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	đ (1 điểm)	(5 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
5	**THCS Ngọc Lâm**																
1	Nguyễn Thị Quỳnh Diệp	02/04/1977	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Phạm Thị Thu Trang	11/03/1981	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Vũ Thị Loan	20/04/1986	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ngọc Lâm	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
6	**THCS Đức Giang**																
1	Nguyễn Vũ Lam	07/09/1981	Nam	Giáo viên	Trường THCS Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Huy Long	02/08/1977	Nam	Giáo viên	Trường THCS Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Đăng Thị Huyền	20/08/1989	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Mai Thị Xuân Sinh	13/08/1983	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Đức Giang	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
7	**THCS Ái Mộ**																
1	Bành Thị Thanh Huyền	24/11/1986	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ái Mộ	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Dương Minh Hưng	01/08/1976	Nam	Giáo viên	Trường THCS Ái Mộ	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thu Hà	26/09/1978	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ái Mộ	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Phạm Thị Mùi	22/02/1977	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ái Mộ	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Vũ Thị Trang	01/07/1990	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Ái Mộ	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
8	**THCS Thạch Bàn**																
1	Nguyễn Thị Kiều Lan	24/05/1970	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Minh Thu	18/10/1968	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Phạm Thị Kim Anh	08/11/1987	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Hoàng Thị Loan	20/08/1987	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Phương	18/08/1991	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	11/06/1986	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Phùng Thị Duyên	19/08/1986	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (05 điểm)					Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15+16)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	đ (1 điểm)	(5 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
8	Đặng Huyền My	16/12/1991	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
9	Nguyễn Thị Khôi Trang	25/04/1980	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Thạch Bàn	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
9	**THCS Nguyễn Gia Thiều**																
1	Bùi Thị Nguyên Ngọc	18/12/1982	Nữ	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lê Hồng Hạnh	21/04/1980	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Lưu Thị Khanh	24/09/1987	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Chu Thị Thanh Loan	28/8/1986	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Hoàng Thu Trang	30/01/1986	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Hồng	20/9/1989	Nữ	Giáo viên - Hóa học	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Tô Thị Thuỷ	16/5/1991	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Nguyễn Gia Thiều	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
10	**THCS Ngô Gia Tự**																
1	Đặng Thị Thu Loan	03/09/1981	Nữ	Giáo viên - Tiếng Anh	Trường THCS Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Minh Ngọc	09/03/1983	Nữ	Giáo viên - Công dân, Ngữ văn	Trường THCS Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Hoài Thanh	11/11/1988	Nữ	Giáo viên - Công nghệ, Toán	Trường THCS Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Trần Cẩm Tú	22/12/1984	Nữ	Giáo viên - Ngữ văn	Trường THCS Ngô Gia Tự	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
11	**THCS Ngọc Thụy**																
1	Nguyễn Thị Thanh Bình	22/10/1975	Nữ	Giáo viên - Sinh học	Trường THCS Ngọc Thụy	20	45	20	15	100	0	0	0	0	0	0	Đủ ĐK xét hạng II
12	**THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm**																
1	Nguyễn Thị Ngọc Mơ	01/06/1987	Nữ	Giáo viên - Sinh học	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Ninh Chi	06/11/1990	Nữ	Giáo viên - Địa lý	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
13	**THCS Gia Thụy**																
1	Nguyễn Thu Thủy	16/06/1979	Nữ	Giáo viên ngữ văn	Trường THCS Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Lương Thị Thu Hằng	06/07/1974	Nữ	Giáo viên Tin học	Trường THCS Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (05 điểm)					Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15+16)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	đ (1 điểm)	(5 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
3	Đào Thị Hoài Linh	31/03/1990	Nữ	Giáo viên Toán	Trường THCS Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Thúy	24/04/1985	Nữ	Giáo viên Mỹ thuật	Trường THCS Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Phùng Văn Dũng	07/01/1987	Nam	Giáo viên thể dục	Trường THCS Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
6	Lê Thị Phương Đông	01/07/1974	Nữ	GV ngoại ngữ	Trường THCS Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Trần Thị Hường	15/04/1980	Nữ	GV Địa Lý	Trường THCS Gia Thụy	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
14	**THCS Thượng Thanh**																
1	Trần Thị Ngọc Yến	09/08/1971	Nữ	Hiệu trưởng	Trường THCS Thượng Thanh	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Tô Thị Phương Dung	15/11/1984	Nữ	Tổ phó CM - Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Thượng Thanh	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Hoàng Thị Hồng Vân	17/01/1985	Nữ	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Thượng Thanh	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Phan Thị Lương	02/10/1983	Nữ	Giáo viên Sử - Văn	Trường THCS Thượng Thanh	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Tô Thị Phi Điệp	03/09/1974	Nữ	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Thượng Thanh	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
15	**THCS Gia Quất**																
1	Nguyễn Thị Nguyệt	28/12/1979	Nữ	Giáo viên hoá học	Trường THCS Gia Quất	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Phạm Như Trang	30/01/1984	Nữ	Giáo viên tin học	Trường THCS Gia Quất	20	45	20	15	100	1	1	0	0	1	3	Đủ ĐK xét hạng II
16	**THCS Thanh Am**																
1	Nguyễn Thị Nhàn	28/07/1988	Nữ	Giáo viên tin học	Trường THCS Thanh Am	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
17	**THCS Sài Đồng**																
1	Nguyễn Thị Huế	17/09/1986	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Mai Hương	29/05/1988	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	1	0	0	1	3	Đủ ĐK xét hạng II
3	Trần Thị Duyên	29/03/1989	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Sài Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
18	**THCS Giang Biên**																
1	Nguyễn Văn Sơn		Nam	Giáo viên	Trường THCS Giang Biên	20	45	20	15	100	1	0	0	0	0	1	Đủ ĐK xét hạng II

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (05 điểm)					Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14+15+16)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	đ (1 điểm)	(5 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
19	**THCS Việt Hưng**																
1	Phan Thị Thanh Hiền	20/10/1975	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Thạch Thọ Ngự	26/07/1974	Nam	Giáo viên	Trường THCS Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	0	4	Đủ ĐK xét hạng II
3	Vũ Thị Thu Hà	26/10/1979	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
20	**THCS Lý Thường Kiệt**																
1	Phạm Đức Tuyến	10/9/1981	Nam	Giáo viên	Trường THCS Lý Thường Kiệt	20	45	20	15	100	0	0	1	0	0	1	Đủ ĐK xét hạng II
21	**THCS Phúc Đồng**																
1	Nguyễn Thị Bích Ngân	30/01/1983	Nữ	Phó hiệu trưởng	Trường THCS Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Đào Thị Khanh	15/06/1983	Nữ	Giáo viên Sử	Trường THCS Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thu Huyền	17/07/1988	Nữ	Giáo viên Toán	Trường THCS Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
4	Đỗ Thị Ninh	30/04/1984	Nữ	Giáo viên Sinh	Trường THCS Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
5	Trần Thu Hạnh	07/07/1977	Nữ	Giáo viên Tin	Trường THCS Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
6	Nguyễn Thị Thoa	15/01/1984	Nữ	Giáo viên Âm nhạc	Trường THCS Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
7	Hoàng Thị Dung	20/08/1989	Nữ	Giáo viên Hóa	Trường THCS Phúc Đồng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
22	**THCS Đô thị Việt Hưng**																
1	Bùi Đắc Tú	18/10/1979	Nam	Phó hiệu trưởng	Trường THCS Đô thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
2	Khương Thị Nhung	21/11/1990	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Đô thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Tống Thị Thảo Hiền	10/01/1981	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Đô thị Việt Hưng	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
23	**THCS Phúc Lợi**																
1	Phạm Thanh Dung	18/02/1976	Nữ	TTCM-Giáo viên	Trường THCS Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	0	1	4	Đủ ĐK xét hạng II
2	Nguyễn Thị Thanh	21/03/1991	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II
3	Nguyễn Thị Thu Huyền	26/04/1989	Nữ	Giáo viên	Trường THCS Phúc Lợi	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	5	Đủ ĐK xét hạng II

Danh sách có 87 người./.

UBND QUẬN LONG BIÊN

PHỤ LỤC IID

DANH SÁCH GIÁO VIÊN THPT HẠNG III CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG LÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN THPT HẠNG II THEO CÁC TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI TT 34/2021/TT-BGDĐT

(Kèm theo Thông báo số 552 /TB-UBND ngày 15 /11/2023 của UBND quận Long Biên)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng	Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (80 điểm)			Tổng điểm theo Mục A phụ lục TT34 *(7+8+9+10)*	Minh chứng và chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đối với giáo viênTHPT hạng II (theo phục lục Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021) (07 điểm)							Tổng điểm theo Mục B phụ lục TT34 *(12+13+14 +15+16+ 17+18)*	Đủ ĐK xét hạng II *(tổng điểm mục A (11) = 100 điểm)*
						(20 điểm)	(45 điểm)	(20 điểm)	(15 điểm)	(100 điểm)	a (1 điểm)	b (1 điểm)	c (1 điểm)	d (1 điểm)	đ (1 điểm)	e (1 điểm)	g (1 điểm)	(7 điểm)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Nguyễn Thu Thuỷ	14/05/1978	Nữ	Phó giám đốc	Trung tâm GDNN-GDTX	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	1	1	7	Đủ ĐK xét hạng II
2	Trịnh Thị Chuyên	05/03/1978	Nữ	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	1	0	6	Đủ ĐK xét hạng II
3	Trương Thị Mỹ Hạnh	01/04/1979	Nữ	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	1	1	7	Đủ ĐK xét hạng II
4	Nguyễn Thị Thu Huyền	04/11/1978	Nữ	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	1	0	6	Đủ ĐK xét hạng II
5	Nguyễn Thị Tuyết Nga	10/01/1984	Nữ	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	1	1	7	Đủ ĐK xét hạng II
6	Trần Thị Quỳnh Nga	29/05/1979	Nữ	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	1	1	7	Đủ ĐK xét hạng II
7	Nguyễn Thị Ngân	18/04/1987	Nữ	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	1	1	7	Đủ ĐK xét hạng II
8	Chử Văn Quyền	14/10/1985	Nam	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX	20	45	20	15	100	1	1	1	1	1	1	0	6	Đủ ĐK xét hạng II

Danh sách có 08 người./.